

Bản án số: 02/2024/HS-ST.

Ngày: 27-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trung

2. Bà Lê Thị Kim Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Võ Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST – HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị R, Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1991, tại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: H're; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD: 05119101.....; con ông: Đinh Văn Th; con bà: Đinh Thị R; chồng Đinh Văn Tr; con: có 02 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

2. Đinh Văn Tr, Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1988, tại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: H're; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD: 051088.....; con ông: Đinh Nh (chết); con bà: Đinh Thị R; vợ: Đinh Thị R; con: có 02 con, lớn nhất sinh 2007, nhỏ sinh 2010; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phạm Đình T, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1958

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị R, sinh năm 1959

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

+ Chị Đinh Thị B, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị L, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị Ph, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Đinh L, sinh năm 1953

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Đinh M, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Đinh V, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Đinh X, sinh năm 1953

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Anh Đinh V, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị Tr, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn G, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Anh Đinh Văn O, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đinh Dong W, sinh năm 2007

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Anh Đinh Dong M, sinh năm 2010

Trú tại: Thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị S, sinh năm 1985

Đơn vị công tác: Hội liên hiệp phụ nữ xã Thanh A, huyện M , có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, ông Đinh Văn Th và vợ là bà Đinh Thị R được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL330702 đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ số 5, Hóc Diều - là đất trồng rừng sản xuất thuộc lô 121, khoảnh 1, tiểu khu 260, thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; diện tích: 1.887m²; thời hạn sử dụng đến năm 2056 (sau đây gọi là thửa đất). Thửa đất của vợ chồng ông Th, bà R tiếp giáp với các thửa đất của các ông, bà: Đinh Thị B, Đinh Thị L, ông Đinh B, ông Đinh L, ông Đinh M, ông Đinh V, ông Đinh X tất cả những người này đều trú cùng thôn D, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng ông Th, bà R cùng với những người có đất tiếp giáp tự thống nhất với nhau và tự sắp kè đá làm ranh giới phân chia vùng diện tích đất để sử dụng, trồng trọt và khai thác (diện tích tự phân chia có sự chênh lệch về diện tích, hình thể so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Th, bà R). Theo hiện trạng ranh giới đất được sắp kè đá thì thửa đất của vợ, chồng ông Th, bà R có diện tích 3.811m² (theo kết quả xác định hiện trường ngày 11/9/2023) nằm chồng lấn với các thửa đất của những người có đất tiếp giáp nêu trên, việc sử dụng này được ổn định từ trước đến nay, các hộ liên kè thống nhất và không có tranh chấp.

Năm 2015, vợ chồng ông Th, bà R (là cha mẹ ruột của Đinh Thị R) đã giao lại thửa đất trên cho vợ, chồng Đinh Văn Tr và Đinh Thị R sử dụng, canh tác. Năm 2016, vợ chồng Tr, R tự đầu tư tiền mua khoảng hơn 4.000 cây keo con và trồng trong phạm vi thửa đất trên (sau đây gọi là rẫy keo) và không phát sinh tranh chấp gì với những người có đất tiếp giáp.

Năm 2018, vợ, chồng Tr, R đã thống nhất bán toàn bộ số cây keo trên rẫy cho anh Phạm Đình T với số tiền 21.000.000 đồng. Ngày 05/12/2018, Tr và T đã lập “Giấy mua keo nuôi” xác nhận việc mua bán keo và sử dụng đất giữa Tr và T có nội dung, bị cáo Tr bán rẫy keo cho anh T với số lượng là 4.000 cây, anh T có quyền nuôi thêm rẫy keo đến ngày 31/12/2031, hết thời hạn này anh T phải khai thác gỗ cây keo và trả lại đất cho Tr. Khi mua, bán rẫy keo thì Tr và T không đo đạc diện tích đất và kiểm đếm số lượng cây keo mà chỉ ước tính diện tích, số lượng cây keo và ghi vào giấy mua bán. Sau đó, cả hai thống nhất và cùng ký xác nhận vào giấy, anh T đã giao đủ số tiền 21.000.000 đồng mua rẫy keo cho Tr

Vào ngày 21/7/2021, do cần tiền trả nợ nên R đã bàn với Tr khai thác rẫy keo đã bán cho anh T để lấy tiền trả nợ. Sau khi nghe R nói, Tr đồng ý. Nhằm tiết kiệm chi phí khai thác, Tr nói với R số cây keo ít, để người nhà làm, Tr sẽ

trực tiếp cắt cây keo, còn xe vận chuyển để Tr thuê. Sau đó, R gọi những người gồm: Đinh Dong W, sinh năm: 2007; Đinh Dong M, sinh năm: 2010 (*là con ruột của Tr – R*); Đinh X (*em ruột R*) bà R và Đinh Thị Tr, nhờ đi khai thác cây keo giúp cho vợ chồng Tr, R. Còn Tr trực tiếp liên hệ thuê anh Đinh Văn O, lái xe ô tô tải vận chuyển gỗ keo, trả tiền công vận chuyển 1.500.000 đồng/chuyến. Sau khi R hỏi mượn máy cưa cầm tay của anh Đinh V (*anh ruột của R*), được anh V đồng ý thì Tr qua nhà anh V lấy máy cưa, tự mua xăng đổ vào. Những người được vợ chồng Tr, R nhờ và thuê khai thác, thuê vận chuyển cây keo đều không biết gì về việc vợ chồng Tr, R đã bán rẫy keo cho ông T. Khi mượn máy cưa, Tr và R không nói là dùng để làm gì; anh V cũng không biết Tr, R khai thác rẫy keo ở đâu.

Sáng ngày 23/7/2021, R, Tr, W, M, Tr, X, R đi bộ, còn O điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C - 065.37 đến rẫy keo. Tr mang theo máy cưa cầm tay và trực tiếp cắt hạ cây keo; còn R, W, M, Tr, X, R lột vỏ cây keo và chất gỗ keo lên xe. Tr và R dự tính sẽ khai thác hết rẫy keo trong ngày 23/7/2021, nhưng khi làm đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì trời đã tối nên mọi người nghỉ, qua ngày hôm sau sẽ tiếp tục đến khai thác số keo còn lại. Lúc này số cây keo Tr cắt trong ngày đã được lột vỏ và chất hết lên xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C - 065.37. Khi O điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C – 065.37 vận chuyển số gỗ cây keo đã chất lên xe để đi cân bán thì xe bị hỏng nên O để xe lại tại rẫy rồi cùng mọi người ra về.

Sáng ngày 24/7/2021, sau khi xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C - 065.37 được sửa xong, anh O liên hệ cho Tr đến rẫy keo. O điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C - 065.37 cùng với Trĩa chở toàn bộ số cây keo đã chất trong ngày 23/7/2021 đến cân bán cho Công ty TNHH MTV Hào Hưng, tại: thôn M , xã L , huyện M , tỉnh Quảng Ngãi được khối lượng 13.870 kg. Sau đó, Tr và O về lại rẫy keo, lúc này R, W, M, X, Tr, R đã đến rẫy, Tr tiếp tục sử dụng máy cưa cầm tay cắt số cây keo còn lại để cho R, W, M, X, Tr, R lột vỏ và chất lên xe ô tô tải biển kiểm soát: 76C- 065.37. Đến trưa cùng ngày, thì cây keo được chất hết lên xe, O điều khiển xe và Tr đi cùng vận chuyển cây keo đến cân bán cho Công ty TNHH MTV Hào Hưng, tại thôn M , xã L , huyện Mg, tỉnh Quảng Ngãi được khối lượng 9.380 kg. Quá trình khai thác cây keo, Tr chỉ cắt những cây keo có kích thước lớn, còn những cây keo có kích thước nhỏ, Tr không khai thác vì có trữ lượng gỗ ít và có giá trị thấp.

Qua làm việc tại thời điểm ngày 23, 24/7/2021 Công ty TNHH MTV Hào Hưng thu mua gỗ cây keo với đơn giá là 1.080 đồng/kg. Ngày 24/7/2021, trong 02 lần vận chuyển cây keo đi bán, Tr trực tiếp nhận phiếu cân và nhận tiền bán keo. Số tiền bán cây keo, Tr trả tiền công vận chuyển cho anh O 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Số tiền còn lại Tr đưa lại cho R. Sau đó, R trả tiền công cho chị Tr 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*). Những người tham gia khai thác còn lại

chỉ làm giúp cho vợ, chồng Tr, R, không lấy tiền công. Số tiền bán cây keo còn lại R trả nợ hết.

Đến năm 2023, ông T đi thăm rẫy keo đã mua của vợ chồng Tr, R thì phát hiện số cây keo trên rẫy keo của mình đã bị khai thác. Sau khi có thông tin về việc Tr khai thác cây keo của mình, ông T đã tố giác hành vi của Tr đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện M, kết luận: “Tất cả số cây keo tại rừng keo có diện tích 3.811m² tại địa điểm được xác định trong biên bản xác định hiện trường ngày 11/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ở hồ Đồng Tre thuộc thôn D, L, M, Quảng Ngãi, (số cây keo này sau khi khai thác có khối lượng là 23.250kg), tại thời điểm ngày 23/7/2021 có giá trị là 16.623.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng)”.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT – VKSML-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Thị R và Đinh Văn Tr đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố: Các bị cáo là người có học vấn 12/12, có sự hiểu biết về pháp luật. Tuy nhiên, khi cần tiền trả nợ, các bị cáo bất chấp lợi dụng những người thân trong gia đình để đi khai thác rẫy keo mà các bị cáo đã bán cho anh Phạm Đình T vì các bị cáo biết ông Phạm Đình T tin tưởng các bị cáo khi mua rẫy keo nên sơ hở trong việc quản lý rẫy keo. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, bất chấp thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội của mình, bỏ mặc các hậu quả có thể xảy ra với những người khác chỉ nhằm mục đích của mình và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đinh Thị R từ 9 đến 12 tháng tù, Đinh Văn Tr từ 8 đến 11 tháng tù.

*** Xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr phải nộp lại tiền thu lợi do phạm tội mà có là số tiền 5.087.000 đồng (năm triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng) để tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Lưu hồ sơ vụ án Phiếu cân xe, số phiếu 1292 và ngày 24/7/2021 và Phiếu cân xe, số phiếu 1298 ngày 24/7/2021. Đây là 02 phiếu cân gỗ keo liên quan đến việc Đinh Thị R và Đinh Văn Tr khai thác keo của anh Phạm Đình T, do Đinh Văn Tr giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Về phần dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo Đinh Văn Tr, Đinh Thị R đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Đình T số tiền 9.423.000 đồng, các bị cáo còn phải liên đới bồi thường số tiền 7.200.000 đồng cho anh Phạm Đình T.

Đối với số tiền 7.200.000 đồng các bị cáo Tr, R đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện M , Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 39490904281200000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Minh Long để khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra, tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai đều hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố nên có cơ sở để xác định: Trong các ngày 23 và 24/7/2021, các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr lợi dụng rẫy keo của anh Phạm Đình T không có người trông coi, các bị cáo đã lén lút khai thác keo với khối lượng là 23.250kg để bán lấy tiền trả nợ, trị giá tài sản bị thiệt hại là 16.623.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết được việc trộm cắp tài sản là xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ; các bị cáo là đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, nên cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Xét bị cáo Đinh Thị R và bị cáo Đinh Văn Tr không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 1 Điều 51 BLHS; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định (đang làm công nhân); các bị cáo có con còn nhỏ đang đi học (lớn học lớp 11, nhỏ học lớp 8); các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội làm việc trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

Đinh Văn Tr và Đinh Thị R đã bán 23.250 kg gỗ keo cho Công ty TNHH MTV Hào Hưng với số tiền: 25.110.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm mười nghìn đồng); bồi thường cho bị hại Phạm Đình T 16.623.000 đồng; trả tiền thuê xe ô tô biển kiểm soát 76C-065.37 để vận chuyển gỗ keo đi bán số tiền: 3.000.000 đồng; trả tiền cho Đinh Thị Tr số tiền: 400.000 đồng. Do đó, số tiền còn lại thu lợi bất chính do phạm tội mà có là: 5.087.000 đồng (năm triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng) cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Phiếu cân xe, số phiếu 1292, khách hàng Đinh Văn Oan, địa chỉ L, M, Quảng Ngãi, số xe 76C – 065.37, loại hàng: Gỗ keo, khối lượng hàng 13.870kg, thời gian ngày 24/7/2021.

- Phiếu cân xe, số phiếu 1298, khách hàng Đinh Văn Oan, địa chỉ Long Sơn, Minh Long, Quảng Ngãi, số xe 76C – 065.37, loại hàng: Gỗ keo, khối lượng hàng 9.380kg, thời gian ngày 24/7/2021. Đây là 02 (hai) phiếu cân gỗ keo liên quan đến việc Đinh Thị Rót và Đinh Văn Tr khai thác keo của ông Phạm Đình Tuấn, do Đinh Văn Tr giao nộp cho Cơ quan điều tra. Lưu hồ sơ vụ án.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, phần hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; về xử lý vật chứng phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử. Đối với đề nghị cách ly bị cáo Tr, R ra khỏi xã hội một thời gian là quá nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Thị R và Đinh Văn Tr bồi thường cho anh Phạm Đình T số tiền 7.200.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo R, Tr mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo R và bị cáo Tr phải chịu 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Đinh Thị R 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn Tr 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị R và bị cáo Đinh Văn Tr cho Ủy ban nhân dân L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Thị R và Đinh Văn Tr liên đới bồi thường cho anh Phạm Đình T số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr phải nộp lại tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có số tiền 5.087.000 đồng (năm triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng) để tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Lưu hồ sơ vụ án Phiếu cân xe, số phiếu 1292 và ngày 24/7/2021 và Phiếu cân xe, số phiếu 1298 ngày 24/7/2021.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Đinh Thị R, Đinh Văn Tr phải chịu 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) các bị cáo Tr, R đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện M , Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 39490904281200000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Minh Long để đảm bảo thi hành án.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện M ;
- Cơ quan CSĐT huyện M;
- CQTHAHS huyện M ;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Mg;
- Các bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Phạm Văn Rô

